TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Ông Trần Trọng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/7/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-DS ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Q T P – Sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ 10, khu phố 5, thị trấn T K, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông T V H– Sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 10, khu phố 5, thị trấn T K, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Toàn Vượng- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Việt Tuấn- Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hớn Quản Tây Bình Phước.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do, Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vắng mặt và có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2023,bản tự khai ngày 07/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Q T P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Q T P và ông T V H tự nguyện kết hôn năm 2001 và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Nơ, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên gây lộn, không hiểu nhau, không thống nhất được quan điểm sống. Ông H không chung thủy, có nhiều tật xấu. Vợ chồng cũng đã tự hòa giải nhiều lần và tiếp tục sinh sống với nhau nhưng cuối cùng không đi đến kết quả, cuộc sống căng thẳng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T V H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên T P N, sinh năm 2002, T H P, sinh ngày 03/3/2007. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn nếu con chung T H P, sinh ngày 03/3/2007 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Nếu con chung ở với bà P thì không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên T P N, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Hớn Quản Tây Bình Phước 02 khoản vay, mỗi khoản vay 1.000.000.000đ. Khi ly hôn bà P không yêu cầu tòa án giải quyết về số nợ này.

Ngoài ra, vì lý do công việc bà P yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông T V H vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 04/7/2023, bị đơn ông T V H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của bà Q T P về thời gian đăng ký kết hôn, nơi kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Bà P có quen người đàn ông khác, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến gia đình. Nay bà Q T P làm đơn xin ly hôn thì ông T V H muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của bà Q T P về con chung. Trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn ông H không có yêu cầu gì về con chung, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Hớn Quản Tây Bình Phước 02 khoản vay, mỗi khoản vay 1.000.000.000đ. Khi ly hôn ông H không có yêu cầu gì về số nợ này.

Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là ông Nguyễn Việt Tuấn vắng mặt. Tuy nhiên tại văn bản trình bày ý kiến số 02/KHKD-HQ ngày 18/7/2023 ông Tuấn trình bày:

Ngày 29/11/2022 ông T V H có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hớn Quản Tây Bình Phước số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo hợp đồng số 5616LAV202202431, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay 11,4%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất số CG 384890 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/6/2017. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 29/11/2022 đến hạn trả là 29/11/2024.

Ngày 07/3/2023 bà Q T P có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hớn Quản Tây Bình Phước số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo hợp đồng số 5616LAV202300541, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tiền vay 12%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất số CG 384951 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/6/2017. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 07/3/2023 đến hạn trả là 07/3/2024.

Đối với 2 khoản vay này ngân hàng không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra Ngân hàng không có ý kiến nào khác và xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được vợ chồng bà Q T P, ông T V H có mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q T P đối với ông T V H. Về con chung giao con chung Trần Hồng Phúc, sinh ngày 03/3/2007 cho bà Q T P nuôi dưỡng, do bà Q T P không đề cập yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét. Đối với con chung tên Trần P Nhi, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét, nợ chung do Ngân hàng không yêu cầu, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với ông T V H có nơi cư trú tại thị trấn T K, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bà P và ông H , đại diện theo quỷ quyền của Ngân hàng đều vắng mặt, tuy nhiên bà P và đại diện Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Q T P, ông T V H là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Nơ, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Bà P cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án tiến hành xác minh tại địa P tuy nhiên khi phát sinh mâu thuẫn các bên đương sự tự giải quyết với nhau không báo chính quyền địa P nên địa P không biết về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông H, bà P. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng bà P không đồng ý, ông H cũng vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải đoàn tụ. Tại bản tự khai ông H cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, hãy cãi lộn qua lại. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của bà P là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Mặc dù ông H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Q T P chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T V H.

[3].Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên T P N, sinh năm 2002, Trần H P, sinh ngày 03/3/2007 hiện tại đang ở cùng với bà P. Khi ly hôn các đương sự có yêu cầu được nuôi con chung tùy theo nguyện vọng của con ở với ai thì người đó nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung tên Trần Hồng Phúc, sinh ngày 03/3/2007 có nguyện vọng muốn ở với bà P, đang sống chung với bà P. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên T H P, sinh ngày 03/3/2007 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quan điểm của ông H. Đối với con chung tên T P N, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng trong vụ án nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung do ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Hớn Quản, Tây Bình Phước không yêu cầu giải quyết thu hồi nợ và các đương sự không có yêu cầu gì nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Bà Q T P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6]. Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Q T P được ly hôn với ông T V H *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 24/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Nơ, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước)*.

2. Về con chung: Giao con chung tên T H P, sinh ngày 03/3/2007 cho bà Q T P trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên T P N, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản trong vụ án nên không xem xét. Do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Hớn Quản Tây Bình Phước không yêu cầu giải quyết về số tiền nợ nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Q T P chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014616 ngày 07/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đình Như Trần Trọng Vĩnh Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**